

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HS-PT
Ngày 09-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2017/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Mai Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện thành phố B.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Mai Văn N**, sinh năm 1965 tại Bến Tre; nơi cư trú: Số 128A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; có vợ Võ Thị C và 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến việc kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1994; Đăng ký thường trú: Số 128A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 272, ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 50 phút ngày 12-11-2016, tại nhà của Mai Văn N ở số 128A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre có tổ chức tiệc mừng sinh nhật 03 tuổi cho bé Mai Văn H, là cháu nội của N và là con của Huỳnh Thị Thanh T. Trong lúc

uống rượu vui chơi, do Võ Văn C (em vợ của N) say rượu và có hành vi không đúng với Huỳnh Thị T1 (chị ruột của T) nên bị Trần Thị Kim Y (em bạn dì ruột của T1 và T) dùng tay chân đánh đá C để giải vây cho T1. Thấy C bị Y đánh, N liền lấy 01 đoạn cây ngắn đánh vào đầu Y gây thương tích nhẹ. Thấy vậy, T ngăn cản và cản vào tay đang cầm cây của N để N buông tay ra. Sau đó, sự việc đánh nhau được can ngăn, các chị em của T bỏ ra về và đứng ngoài đường chờ T xếp quần áo để về theo nhưng trong lúc thu gom quần áo giữa T và N tiếp tục có lời qua tiếng lại cự cãi nhau. Do bức tức T có lời lẽ xúc phạm mình nên N bẻ gãy cán kéo xắt thịt đang cầm trên tay và lấy phần cán ném T nhưng không trúng, N bước lại gần T nói “Mày tin tao đâm chết mẹ mày không” thì T thách thức “Mày ngon mày đâm tao đi”. Lập tức, N dùng phần kéo còn lại có 02 lưỡi đang cầm trên tay phải đâm 01 nhát dính lưỡi kéo vào mắt trái của T gây thương tích nặng được mọi người đưa đến Bệnh viện Minh Đức cấp cứu. Sau đó, T được chuyển ngay đến Bệnh viện Chợ Rẫy để lấy phần lưỡi kéo ra khỏi hốc mắt và điều trị thương tích.

Vật chứng thu giữ: 01 cán kéo màu đỏ và 01 phần kéo bằng kim loại dài 23cm, có 02 lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 22cm, nơi rộng nhất 02cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ bị gãy một bên, tay cầm dài 11cm (do bác sỹ của đến Bệnh viện Chợ Rẫy thu giữ khi cấp cứu, điều trị cho T giao nộp).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 47-0217/TgT ngày 22-02-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Huỳnh Thị Thanh T bị:

- Vết thương trán trái trên 1/3 ngoài chân mày trái dài 03cm xuyên từ trần hốc mắt trái xuống hốc mũi trái, khẩu cái, làm vỡ nhãn cầu.

- Hiện: Vết thương lành, sẹo trán trái - trên chân mày trái, kích thước 03cm x 0,2cm. Mắt trái teo nhỏ. Khám chuyên khoa mắt: Mắt trái mù hoàn toàn, teo nhãn cầu.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 41%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HS-ST ngày 17-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Mai Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29-8-2017 bị cáo Mai Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi gây thương tích cho người bị hại Huỳnh Thị Thanh T phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ bị bệnh và người bị hại có đơn bãi nại xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố

tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Mai Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại có yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn N 03 (Ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Văn N khai nhận hành vi gây thương tích cho chị Huỳnh Thị Thanh T phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Vào khoảng 14 giờ 50 phút ngày 12-11-2016, tại số 128A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, giữa chị Huỳnh Thị Thanh T với bị cáo Mai Văn N có lời qua tiếng lại cự cãi nhau nên chị T đã có lời lẽ thách thức, do không kìm chế được nên bị cáo N đã có hành vi dùng cây kéo có lưỡi sắc nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào mắt trái của chị T gây thương tích. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 47-0217/TgT ngày 22-02-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của chị T là 41%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Mai Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” theo quy định tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Mai Văn N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại trước cho người bị hại với số tiền 57.700.000 đồng, người bị hại có một phần lỗi là có lời lẽ thách thức gây kích động về tinh thần đối với bị cáo; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn N 03 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mối quan hệ giữa bị cáo N với chị T là cha chồng và con dâu, chỉ vì nóng giận trong lúc cự cãi nhau mà bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là cây kéo sắc, nhọn đâm trúng 01 cái dính lưỡi kéo vào mắt trái của chị T, sau đó bác sĩ của Bệnh viện Chợ Rẫy đã lấy phần lưỡi kéo ra khỏi hốc mắt và điều trị thương tích cho chị T, hậu quả mắt trái của chị T bị mù hoàn toàn, teo nhãn cầu. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những vi phạm pháp luật của Nhà nước mà còn trái đạo đức của xã hội, gây bất bình trong nhân dân, hậu quả mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, gây cố tật suốt đời và ảnh hưởng xấu đến thẩm mỹ cho người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và cũng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức hình phạt thấp nhất mà khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự quy định là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai rằng là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn và người bị hại có yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Xét thấy các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Đối với Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn N yêu cầu được hưởng án treo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2017/HS-ST

ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre; Xử phạt bị cáo Mai Văn N 03 (Ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Mai Văn N phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Người bị hại (1b);
- UBND xã M, thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa hình sự,
Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu (2b);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Văn Thông